

Số: 47/TB-XMHL

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

V/v mời chào giá gói thầu:
Cung cấp băng tải bố vải

Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long tổ chức mua sắm gói thầu “Cung cấp băng tải bố vải” theo hình thức chào giá cạnh tranh.

Nội dung chính gói thầu: Cung cấp băng tải bố vải; Nguồn vốn thực hiện: Vốn SXKD và vốn vay thương mại.

Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long kính mời các nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm cung cấp tham gia chào giá gói thầu trên. Nếu nhà thầu có nguyện vọng tham gia chào giá gói thầu nêu trên có thể tìm hiểu thông tin chi tiết tại:

Phòng Vật tư

Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long

Xã Thống Nhất, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại : (0203) 3699.556 - Fax : (0203) 3.699.130

Website: ximanghalong.vn

và sẽ được cấp miễn phí một bộ bản Thư mời chào giá, thời gian phát hành: Từ 09 giờ 00 phút, ngày 08 tháng 01 năm 2024 đến trước 15 giờ 00 phút, ngày 12 tháng 01 năm 2024 (trong giờ hành chính).

Thư chào giá của nhà thầu được gửi trực tiếp đến Phòng Vật tư - Công ty CP xi măng Hạ Long theo địa chỉ: xã Thống Nhất, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, chậm nhất là trước 15 giờ 00 phút, ngày 12 tháng 01 năm 2024.

Thư chào giá sẽ được mở công khai lúc 15 giờ 30 phút, ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại phòng 203 Trụ sở Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long, xã Thống Nhất, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long kính mời đại diện các nhà thầu nộp TCG tới dự lễ mở/tiếp nhận TCG vào thời gian và địa điểm nêu trên.

Nơi nhận

- Các nhà thầu/website trong PAMS được duyệt;
- Lưu: VT, P.VT.

TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Tạng

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Tên gói thầu:

Cung cấp băng tải bố vải

Phát hành ngày: _____

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 01 năm 2024

ĐẠI DIỆN BÊN MỜI CHÀO GIÁ
TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Tạng

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

TMCG	Thư mời chào giá
TCG	Thư chào giá
VND	Đồng Việt Nam
.....

Chương I. YÊU CẦU NỘI THƯ CHÀO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời chào giá là: Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long.
2. Bên mời chào giá mời nhà thầu tham gia chào giá cạnh tranh gói thầu. Cung cấp băng tải bố vải. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của TMSG này.
3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.
4. Thời gian cung cấp hàng hóa, dịch vụ liên quan: Trong vòng 20 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:
 - a. Nhà thầu là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam;
 - b. Hạch toán tài chính độc lập;
 - c. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;
 - d. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:
 - a. Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;
 - b. Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
3. Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật;
 - b. Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật;
 - c. Có đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;
 - d. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
4. Nhà thầu có tư cách hợp lệ được tham gia chào giá với tư cách độc lập hoặc liên danh hoặc đại diện chính thức cho nhà thầu được tham gia chào giá.

Trường hợp liên danh hoặc đại diện phải có văn bản thỏa thuận giữa các bên hoặc giấy ủy quyền, trong đó quy định rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh, thành viên ủy quyền và đại diện được ủy quyền, trách nhiệm chung và riêng của từng bên. Trong cùng một gói thầu, mỗi nhà thầu chỉ được phép tham gia một liên danh với tư cách nhà thầu chính.

5. Trường hợp có từ 02 nhà thầu cùng liên danh cung cấp hàng hóa, dịch vụ thì mỗi nhà thầu trong liên danh phải đáp ứng tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định trên.

Mục 3. Đơn chào giá, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào giá và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03, 03a 03b Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá ” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu TCG với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào giá, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu chào giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì TCG của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào giá và bảo đảm bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp TCG. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần TCG

Thư chào giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào giá theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Cam kết thực hiện gói thầu theo Mẫu số 02 Chương III;
3. Biểu giá theo Mẫu số 03 (bao gồm Mẫu 03a và Mẫu 03b) Chương III;
5. Các nội dung khác theo yêu cầu của Thư mời chào giá.

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của TCG

Thời gian có hiệu lực của thư chào giá là 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá TCG

1. Nhà thầu phải nộp TCG trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ: Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long không muộn hơn thời điểm đóng thầu 15h00 ngày 12 tháng 01 năm 2024. Các TCG được gửi đến bên mời chào giá sau thời điểm hết hạn nộp TCG sẽ không được xem xét.

2. Bên mời chào giá chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong TCG của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp TCG, bên mời chào giá lập văn bản tiếp nhận các TCG bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của TCG.

3. Bên mời chào giá so sánh các TCG theo các yêu cầu trong TMCG. Trong quá trình đánh giá các TCG, bên mời chào giá có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có TCG đáp ứng tất cả các yêu cầu của TMCG;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào giá theo đường bưu điện, fax hoặc email.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 03 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời chào giá sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng *Không áp dụng*

Mục 10. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

Mục 1. Phạm vi cung cấp

St t	Hạng mục/Mã thiết bị	Mô tả hàng hóa	Thông số kỹ thuật	ĐV T	Số lượn g
I	Lô 1: Băng tải bố vải				
1	132RE300	Băng tải bố vải EP 315/3 5+2 B 1400	Cường lực kéo đứt băng $\geq 315\text{N/mm}$ - Số lớp bố: 3 - Chiều dày lớp trên: 5mm - Chiều dày lớp dưới: 2mm - Độ rộng băng tải: 1400mm $\pm 1\%$ - Độ mài mòn: $\leq 150\text{mm}^3$ - Độ cứng: 65 ± 5 Shore A	m	55
2	311BC600	Băng tải bố vải EP 800/5 6+2 A 800	- Cường lực kéo đứt băng $\geq 800\text{N/mm}$ - Số lớp bố: 5 - Chiều dày lớp trên: 6mm - Chiều dày lớp dưới: 2mm - Độ rộng băng tải: 800mm $\pm 1\%$ - Độ mài mòn: $\leq 90\text{mm}^3$ - Độ cứng: 65 ± 5 Shore A	m	100
3	133BC110	Băng tải bố vải EP 500/4 5+2 B1000	Cường lực kéo đứt băng $\geq 500\text{N/mm}$ - Số lớp bố: 4 - Chiều dày lớp trên: 5mm - Chiều dày lớp dưới: 2mm - Độ rộng băng tải: 1000mm $\pm 1\%$ - Độ mài mòn: $\leq 150\text{mm}^3$ - Độ cứng: 65 ± 5 Shore A	m	52

4	241BC470	Băng tải bố vải EP 400/3 4+2 B 800	- Cường lực kéo đứt băng ≥400N/mm - Số lớp bố: 3 - Chiều dày lớp trên: 4mm - Chiều dày lớp dưới: 2mm - Độ rộng băng tải: 800mm ±1% - Độ mài mòn: ≤150mm ³ - Độ cứng: 65±5 Shore A	m	176
5	113BC200	Băng tải bố vải EP 800/5 8+2 A 1600	- Cường lực kéo đứt băng ≥800N/mm - Số lớp bố: 5 - Chiều dày lớp trên: 8mm - Chiều dày lớp dưới: 2mm - Độ rộng băng tải: 1600mm ±1% - Độ mài mòn: ≤90mm ³ - Độ cứng: 65±5 Shore A	m	20
II	Lô 2: Băng tải cao su nổi sần				
1	511WF45 0	Băng tải cao su nổi sần EP125/3 4+2 B650x11100m m (viền S 2 bên)	- Cường lực kéo đứt băng ≥125N/mm- Số lớp bố: 3- Chiều dày lớp trên: 4mm- Chiều dày lớp dưới: 2mm- Chu vi băng: 11100mm- Độ rộng băng tải: 650mm ±1%- Viền chữ S cao 80mm ở 2 bên- Độ mài mòn: ≤150mm ³ - Độ cứng: 65±5 Shore A	Cái	1

- Nhà thầu có thể lựa chọn chào giá lô 1, lô 2 hoặc cả 2 lô tùy theo năng lực cung cấp của nhà thầu.

- Bên mời chào giá sẽ tiến hành đánh giá thư chào giá theo từng lô riêng biệt theo đúng yêu cầu của thư mời chào giá.

Mục 2. Tiến độ cung cấp

- Trong vòng **20 ngày** kể từ ngày ký hợp đồng.

- Địa điểm giao hàng: Tại kho của Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long, xã Thống Nhất, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật

- Hàng hóa do nhà cung cấp phải có đặc tính kỹ thuật đáp ứng được các yêu cầu tại Mục 1 Chương này.

- Bên mời chào giá chỉ đưa yêu cầu kỹ thuật cơ bản của hàng hoá. Căn cứ vào đó nhà cung cấp phải bổ sung các thông số kỹ thuật đầy đủ của từng chủng loại hàng hoá cung cấp, đảm bảo phù hợp với các thiết bị Bên mời chào giá đang sử dụng.

- Hàng hóa phải mới 100%, chưa qua sử dụng.

- Khi giao hàng có chứng chỉ chất lượng của hàng hoá kèm theo (nếu là hàng hoá sản xuất trong nước) hoặc có chứng chỉ CO, CQ nếu là hàng hoá nhập khẩu.

Mục 4. Yêu cầu bảo hành

- Yêu cầu bảo hành: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu.

Mục 5: Yêu cầu về điều kiện thanh toán: Chủ đầu tư sẽ thanh toán 100% giá trị hàng hóa trong vòng **90** ngày kể từ ngày hàng hóa được nghiệm thu và chủ đầu tư nhận được bộ hồ sơ thanh toán đầy đủ.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO GIÁ

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]
Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào giá]
Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời chào giá]

Sau khi nghiên cứu thư mời chào giá và văn bản sửa đổi thư mời chào giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của TMCG với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian cung cấp hàng hóa, dịch vụ liên quan là _____ [Ghi thời gian theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một TCG này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong chào giá.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong chào giá khi tham dự gói thầu này.

Nếu TCG của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của TMCG.

TCG này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU

Ngày: ___ [Điền ngày, tháng, năm ký cam kết]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào giá]

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá]

Sau khi nghiên cứu thư mời chào giá, văn bản sửa đổi thư mời chào giá số ___ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm thư mời chào giá do _____ [Ghi tên bên mời chào giá] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để cung cấp hàng hóa có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và theo đúng quy định của thư mời chào giá.

Chúng tôi cam kết đáp ứng yêu cầu của TMCG với các nội dung cụ thể như sau:

- 1. Phạm vi cung cấp:** Nhà thầu tham chiếu mục 1 chương II của TMCG
- 2. Tiến độ cung cấp và địa điểm thực hiện:** Nhà thầu tham chiếu mục 2 chương II của TMCG
- 3. Yêu cầu về kỹ thuật:** Nhà thầu tham chiếu mục 3 chương II của TMCG
- 4. Điều kiện bảo hành:** Nhà thầu tham chiếu mục 4 chương II của TMCG
- 5. Chấp thuận điều kiện thanh toán:** Nhà thầu tham chiếu mục 5 chương II của TMCG.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
Tổng cộng giá chào <i>(Kết chuyển sang đơn chào giá)</i>		(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá trước thuế	Đơn giá sau thuế	Thành tiền (Cột 4x7)
1	Hàng hoá thứ 1						M1
2	Hàng hoá thứ 2						M2
						
n	Hàng hoá thứ n						Mn
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>							M=M1+ M2+...+ Mn

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4) Bên mời chào giá ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu.

Các cột (5), (6), (7), (8) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (7) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời chào giá, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có) và không bao gồm các chi phí của dịch vụ liên quan tại Mẫu số 03a(2). Khi tham gia chào giá cạnh tranh, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

BẢNG GIÁ CHÀO CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

1	2	3	4	5	6	7	8	9
ST T	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá trướ c thuế	Đơn giá sau thuế	Thành tiền (Cột 3x8)
<p>Tổng giá chào cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i></p>								(I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5) và (6) Bên mời chào giá ghi phù hợp với Biểu dịch vụ liên quan quy định tại Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu.

Các cột (7), (8) cột (9) do nhà thầu chào.

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ ____ [Bộ luật dân sự ngày 24/11/2015];

- Căn cứ ____ [Luật Thương Mại ngày 14/6/2005];

- Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] của bên mời chào giá;

- Các căn cứ khác có liên quan.

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư [Ghi tên chủ đầu tư]:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____
(trường hợp được ủy quyền)

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi cung cấp

Theo yêu cầu của Bên A, Bên B đồng ý Cung cấp hàng hóa với số lượng, quy cách và đơn giá như sau:

(Chi tiết như phụ lục đính kèm)

Điều 2. Thông số kỹ thuật và chất lượng của hàng hóa

- Hàng hóa mới 100% nguyên đai nguyên kiện, đúng tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật của nhà sản xuất, đúng nguồn gốc xuất xứ theo Điều 1 của Hợp đồng;
- Khi giao hàng có chứng chỉ chất lượng của hàng hóa kèm theo.

Điều 3. Tiến độ cung cấp và địa điểm giao hàng

3.1 Tiến độ giao hàng: Trong vòng kể từ ngày ký hợp đồng.

3.2 Địa điểm giao hàng: Tại kho của Bên A, xã Thống Nhất, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Điều 4. Vận chuyển và kiểm tra hàng hóa

- Bên B có trách nhiệm vận chuyển hàng hóa tới kho và đưa vào vị trí lưu kho theo quy định của Bên A, tại xã Thống Nhất, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Khi giao hàng, các Bên sẽ thực hiện việc kiểm tra chất lượng, quy cách hàng hóa tại chỗ. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng tiêu chuẩn chất lượng, quy cách, thông số kỹ thuật thì các Bên sẽ đưa vào biên bản giao hàng về việc như trên có xác nhận giữa đại diện các Bên.

- Phương pháp nghiệm thu và tiếp nhận hàng hóa được thực hiện theo các quy trình hiện hành của Bên A.

- Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

5.1 Giá hợp đồng

Giá hợp đồng (đã có thuế GTGT) là: đồng.

(Bằng chữ:/.)

5.2 Hình thức thanh toán và đồng tiền thanh toán

- Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng.
- Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

5.3 Thời hạn thanh toán

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% giá trị hàng hóa được nghiệm thu trong vòng 90 ngày sau khi hàng hóa được nghiệm thu và Bên A nhận được đầy đủ các chứng từ sau:

- + Giấy đề nghị thanh toán của Bên B.
- + Hoá đơn tài chính do Bên B phát hành.
- + Biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hoá (có CQ của nhà sản xuất).
- + Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng.
- + Bảo lãnh bảo hành (nếu có) tương đương 5% giá trị hàng hóa được nghiệm thu theo hợp đồng. Trong trường hợp tới thời điểm thanh toán nhà thầu không cấp bảo lãnh bảo hành theo quy định Bên A tự động giữ lại 5% giá trị hàng hoá đã cấp cho tới hết thời điểm bảo hành.
- + Bảng tổng hợp giá trị thanh toán có xác nhận của hai bên.
- + Các tài liệu có liên quan khác (nếu có).

Điều 6. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

Điều 7. Bảo hành hàng hóa

- Hàng hóa được bảo hành tháng kể từ ngày nghiệm thu.
- Nếu trong thời gian bảo hành, bất kỳ lỗi hư hỏng liên quan đến hàng hóa được cung cấp trong hợp đồng này được xác định do lỗi kỹ thuật của nhà sản xuất hoặc nguyên nhân khác không do lỗi của Bên A, Bên A sẽ thông báo ngay cho Bên B bằng fax/ điện thoại. Bên B phải liên lạc ngay với Bên A để giải quyết các sự cố nói trên. Nếu Bên B không thể hoàn thành việc sửa chữa, thay thế trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A hoặc Bên B không có thiện chí bảo hành thì Bên A có quyền thuê bên thứ ba sửa chữa, cung cấp sau khi đã thông báo cho Bên B trong khoảng thời gian 48 giờ. Bên B có trách nhiệm thanh toán lại cho Bên A phần chi phí Bên A phải trả mà không có bất kỳ sự khiếu nại nào.

- Trường hợp trong thời gian bảo hành phát sinh nghĩa vụ bảo hành nhưng nghĩa vụ bảo hành này chưa thực hiện hoàn tất thì Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn tất kể cả khi thời gian bảo hành đã hết.

Điều 8. Trách nhiệm của Bên A

- Phối hợp chặt chẽ với Bên B trong quá trình cung cấp hàng hóa, bố trí cán bộ giao nhận cùng với Bên B giao nhận, nghiệm thu, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình giao nhận (nếu có);

- Thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo điều khoản của hợp đồng này.

Điều 9. Trách nhiệm của Bên B

- Bên B đảm bảo việc cung cấp các hàng hóa theo đúng số lượng, quy cách, chất lượng, thời hạn như đã thỏa thuận trong Hợp đồng này;

- Chịu mọi trách nhiệm cho những khiếm khuyết về kỹ thuật, chất lượng của hàng hóa mà Bên A không thể phát hiện được trong quá trình kiểm tra bàn giao bằng biện pháp thông thường. Trong mọi trường hợp khi Bên A phát hiện bất kỳ hàng hóa nào không đúng tiêu chuẩn, chất lượng, kỹ thuật của hợp đồng thì Điều 7 nêu trên sẽ được áp dụng;

- Có trách nhiệm lập đầy đủ các hồ sơ liên quan đến việc nghiệm thu số lượng, bàn giao, thanh toán khi Bên A yêu cầu;

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm về an toàn cho người, thiết bị của Bên B và các bên liên quan trong quá trình thực hiện hợp đồng này;

- Cung cấp hóa đơn tài chính hợp pháp theo quy định cho Bên A;

- Thực hiện đầy đủ các trách nhiệm quy định trong Hợp đồng này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Chấp hành đúng các nội quy, quy định của Bên A trong quá trình giao hàng;

- Trách nhiệm đảm bảo an toàn và môi trường khi cung cấp hàng hóa;

- Khi Bên A thi công xây bê tông, Bên B cử chuyên gia giám sát công tác thi công xây bê tông đã cung cấp, đảm bảo công tác xây bê tông đúng theo yêu cầu của Nhà sản xuất.

Điều 10. Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại

10.1 Phạt vi phạm hợp đồng

+ Trường hợp Bên B giao hàng trễ hạn được quy định tại Khoản 3.1, Điều 3 của Hợp đồng gây ảnh hưởng tới sản xuất của Bên A, Bên A có quyền không nhận hàng hóa Bên B giao mà không phải bồi thường bất cứ thiệt hại nào cho Bên B. Khi đó, Bên A có quyền mua hàng hóa của Nhà cung cấp khác theo giá thỏa thuận. Nếu giá trị hàng hóa do Bên A mua của Nhà cung cấp khác lớn hơn giá trị tính theo đơn giá hàng hóa trong hợp đồng này thì Bên B phải bồi thường cho Bên A giá trị phần chênh lệch đó.

+ Trường hợp Bên B giao hàng trễ hạn được quy định tại Khoản 3.1, Điều 3 của Hợp đồng mà bên A đồng ý nhận hàng hóa do bên B giao chậm thì Bên B sẽ chịu mức phạt bằng 0,5% giá trị phần hàng hóa giao chậm/ngày cho 5 ngày chậm đầu tiên; 1% giá trị phần hàng hóa giao chậm /ngày cho các ngày chậm tiếp theo; số ngày giao chậm xác định theo thời gian thực tế giao hàng, tổng giá trị tiền phạt cộng dồn không quá 8% giá trị hàng hóa giao chậm.

+ Trường hợp Bên B giao hàng hóa đúng theo tiến độ của hợp đồng nhưng hàng hóa không đúng yêu cầu về chất lượng, kỹ thuật theo quy định của hợp đồng và Bên A không chấp nhận nhập hàng thì Bên B có trách nhiệm cung cấp lại trong vòng 02 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A. Khi đó nếu việc giao trễ hàng hóa ảnh hưởng tới sản xuất của Bên A thì Bên B chịu phạt với mức phạt như trường hợp hàng hóa giao trễ hạn, tổng giá trị tiền phạt cộng dồn không quá 8% giá hàng hóa giao chậm.

10.2 Bồi thường vi phạm hợp đồng

Ngoài việc Bên B chịu phạt theo quy định tại Khoản 10.1, Điều này do Bên B giao hàng trễ hạn theo quy định của hợp đồng, dẫn đến Bên A phải mua hàng hóa của Nhà cung cấp khác với giá cao hơn giá trị tính theo đơn giá hàng hóa trong hợp đồng này, thì khi Bên A bị thiệt hại được xác định do lỗi của Bên B gây ra như: cấp hàng trễ hạn theo quy định của hợp đồng, cấp hàng không đúng yêu cầu về chất lượng, kỹ thuật theo quy định của hợp đồng và gây thiệt hại cho sản xuất của Bên A; không thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong thời gian bảo hành,...thì Bên B còn phải có trách nhiệm bồi thường các thiệt hại do Bên B gây ra. Mức bồi thường thiệt hại sẽ được tính toán trên cơ sở giá trị thiệt hại do Bên B gây ra và sẽ do Hai bên thỏa thuận.

Điều 11. Bất khả kháng

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hoả hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh, và các thảm hoạ khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có

thẩm quyền ở Việt Nam.

Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải: Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 02 (hai) ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình. Mọi chi phí cho việc sửa chữa, khắc phục các thiệt hại, rủi ro xảy ra do các trường hợp bất khả kháng sẽ do hai bên thoả thuận.

Điều 12. Giải quyết tranh chấp

Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp các bên có quyền đưa vụ việc ra toà án có thẩm quyền giải quyết theo cơ chế:

- Bất kỳ bên nào cũng đều có quyền khởi kiện ra Toà án có thẩm quyền, phán quyết của Tòa án là phán quyết cuối cùng, hai bên có trách nhiệm thực hiện.
- Mọi chi phí về kiểm tra, xác minh và án phí Tòa án trong quá trình giải quyết tranh chấp do bên thua kiện chịu trách nhiệm thanh toán.

Điều 13: Điều chỉnh Hợp đồng

- Việc điều chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:
 - + Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng.
 - + Thay đổi, bổ sung các nội dung khác của hợp đồng.
- Hai bên sẽ tiến hành ký kết phụ lục hợp đồng trong trường hợp điều chỉnh, bổ sung hợp đồng.

Điều 14: Chấm dứt hợp đồng

14.1 Bên A hoặc bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên A hoặc Bên B không thực hiện các nội dung công việc theo hợp đồng;

b) Bên A, bên B bị phá sản.

14.2 Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng theo Điểm a, Khoản 14.1 Điều này, Bên A hoặc Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường cho bên kia những chi phí vượt trội so với đơn giá và khối lượng đã ký đối với phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm này.

14.3 Trong trường hợp Bên A hoặc Bên B chấm dứt hợp đồng theo Điểm b, Khoản 14.1 Điều này thì sẽ giải quyết theo quy định của luật phá sản và những quy định có liên quan.

Điều 15. Hiệu lực hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, mọi thay đổi liên quan đến hợp đồng sẽ được điều chỉnh bằng phụ lục hợp đồng hoặc văn bản thống nhất giữa hai bên.

Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên hoàn thành đầy đủ mọi nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo các điều khoản đã thỏa thuận tại hợp đồng này và tiến hành thanh lý theo luật định.

Hợp đồng được làm thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu TCG, TCG của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 03 (bao gồm Mẫu số 03a, Mẫu số 03b) trong bản TMCG này].